TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGD-ST
Ngày 09-5-2019
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toản

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông: Hoàng Văn Đường;

2.Ông: Nguyễn Văn Hợi;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 05 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 04 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 27/7/1980;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh ngày 20/12/1977;

Nơi cư trú : Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị V có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày*:*

Chị và anh Nguyễn Văn K kết hôn ngày 03 tháng 12 năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng với gia đình anh K tại xóm Đ, xã T. Cuộc sống chung vợ, chồng hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2004 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên

nhân chính do anh K không tu chí làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc, thường xuyên gây sự đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng và chị thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân này nên chị và anh K đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh K theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh K có hai con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2000 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27/01/2002. Cháu T hiện đã tuổi trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết, đối với cháu Quyết hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn K: Quá trình giải quyết vụ án anh K có đơn xin ly hôn vắng mặt có nội dung nhất trí ly hôn với chị V, còn về con chung anh tôn trọng ý kiến của các con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/03/2019 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và nơi cư trú của anh K xác định: Anh K hiện có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh K sống chung cùng gia đình ông Nguyễn Văn L, là anh trai của anh Nguyễn Văn K, vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian gần đây thì vợ, chồng thường xuyên ra mâu thuẫn, chị V đã chuyển đi ở nơi khác. Anh K đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh K không đến Tòa án để giải quyết vụ án và anh K cũng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V và cho chị V được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27/01/2002 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh K, do chị V tự nguyện chưa yêu cầu. Cháu T đã đến tuổi trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị V phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa anh K vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn K là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân chị V xin ly hôn là do trong quá trình chung sống anh K không tu chí làm ăn, hay rượu chè, cờ bạc, thiếu trách nhiệm với gia đình vợ, con. Do mâu thuẫn vợ, chồng nên chị V và anh K đã sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh K đã xảy ra trong một thời gian dài, trên thực tế không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân nhau đã lâu, như vậy mục đích hôn nhân giữa chị V và anh K không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn anh K là phù hợp và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị V và anh K có 02 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2000 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27/01/2002. Cháu T đã đến tuổi trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự và hiện đã tự nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Đối với cháu Q hiện đang ở ổn định với chị V, cháu cũng có

nguyện vọng muốn được ở với mẹ và cũng phù hợp với yêu cầu của chị V nên cần chấp nhận và giao cháu Q cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn). Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K, vì chị V tự nguyện chưa yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị V xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này chị V và anh K có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Đại diện VKS về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp các quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V, cho chị V được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 27/01/2002 cho đến khi cháu Quyết trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K vì chị V tự nguyện chưa yêu cầu.

Anh K được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000670 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị V đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị V báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh K vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã T, H. P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toản